TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN CẨM LỆ, TP ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2023/KDTM-ST
Ngày: 19-7-2023
"V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Cương
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đức Hiếu
Ông Nguyễn Văn Trình

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Đặng Thị Thảo Vân – Thư ký Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy – Chức vụ Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử công khai vụ án Kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 34/2022/TLST- KDTM ngày 21 tháng 11 năm 2022 về "*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2023/QĐXXST-KDTM ngày 21 tháng 02 năm 2023 và Thông báo mở lại phiên tòa số 34 ngày 14/7/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng thương mại cổ phần Đ (viết tắt là: S…); Địa chỉ trụ sở chính: số 198 đường T, phường L, quận H, TP Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn T, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Văn Đ, ông Nguyễn Ngọc H. Ông Đ có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn*: Công ty trách nhiệm hữu hạn Thiết kế, Tư vấn quản lý và Xây dựng G (Sau đây viết tắt là: Công ty G); Mã doanh nghiệp: 0401761756; Địa chỉ: Số 61 đường N, phường H, quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng; Người đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Tấn Phát - chức vụ: Giám đốc. Ông Phát vắng mặt lần thứ 2.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Công ty cổ phần T; Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Indochina Riverside Tower số 74 đường B, phường H, quận H, TP Đà Nẵng; Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hoàng M, chức vụ: Giám đốc. Vắng mặt lần thứ 2.

+ Ông Nguyễn Tấn P, sinh năm 1982; Địa chỉ: 61 đường N, phường H, quận C, TP Đà Nẵng. Vắng mặt lần 2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/10/2022, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ trình bày:

Công ty trách nhiệm hữu hạn Thiết kế, Tư vấn quản lý và Xây dựng G (Sau đây viết tắt là: Công ty G) có quan hệ vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đ (sau đây viết tắt là S..) với các thông tin cụ thể:

Theo hợp hợp tín dụng theo hạn mức số REF2110400101/HĐTD-HM/DN ngày 19/4/2021, hạn mức là 15.000.000.000 đồng *(mười lăm tỷ đồng)*, mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động sản xuất kinh doanh, thời hạn hạn mức: 12 tháng, thời hạn tối đa của khoản vay không quá 06 tháng, thời hạn hạn mức có thể được gia hạn khi có yêu cầu; kỳ hạn nợ: gốc trả cuối kỳ, lãi trả hàng tháng; Lãi suất vay trong hạn: được quy định tại từng giấy (Khế ước) nhận nợ cụ thể và theo biểu lãi suất cho vay đối với từng phân khúc khách hàng tại thời điểm giải ngân, cụ thể lãi tại thời điểm cho vay là: 9,1%/ năm; Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn đối với phần nợ gốc quá hạn; Lãi chậm trả: 10%/năm đối với dự nợ lãi chậm trả.

Theo hợp đồng hạn mức tín dụng thẻ số REF2110400101/HĐHMTTD/DN ngày 19/4/2021, hạn mức 300.000.000 đồng; mục đích vay: Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh; Thời hạn vay: 12 tháng; Kỳ hạn trả nợ: 25 hàng tháng; Lãi suất vay/ phí bảo lãnh: Lãi theo quy định của Ngân hàng S từng thời kỳ, cụ thể áp dụng với hợp đồng là 18%/năm; Lãi quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn.

Tài sản thế chấp:

Tài sản 1: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 60, tờ bản đồ số 132, diện tích 100m^2 , địa chỉ: 61 đường N, lô 13-B2.32, Khu E1- Khu dân cư Nam cầu Cẩm Lệ, phường Hòa Xuân, quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 103424, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CTs 166458 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 03/8/2018 mang tên ông Nguyễn Tấn P. Tài sản này đã được thế chấp tại S theo hợp đồng thế chấp quyền

sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số REF2110400101/HĐTC-QSDĐTSGLVĐ/DN/BL ngày 19/4/2021 và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định.

Tài sản 2: Quyền đòi nợ: Bao gồm Quyền đòi nợ đã hình thành và quyền đòi nợ hình thành trong tương lai phát sinh từ hợp đồng thi công xây dựng số 1802/2021/HĐTC/TCXD/TNL-GCCM ngày 18/02/2021 và phụ lục kèm theo đã được ký giữa Công ty cổ phần T và Công ty trách nhiệm hữu hạn Thiết Kế, Tư vấn quản lý và xây dựng G về việc: Thi công xây dựng phần thô và hoàn thiện mặt ngoài của 32 căn nhà phố, biệt thự mặt tiền Block B2-39 mẫu M1, lô giữa số 4-16, 18-34 và lô góc số 36; Block B3-45, mẫu M6, lô số 1, thuộc khu C2- dự án Golden Hills City, địa điểm xây dựng: Phường Hòa Hiệp Nam, phường Hòa Hiệp Bắc, quận Liên Chiểu thành phố Đà Nẵng và xã Hòa Liên, huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng. Tài sản này đã được thế chấp tại S và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định.

Thực hiện các hợp đồng tín dụng nêu trên, S đã giải ngân Công ty G theo đúng cam kết của các bên. Tuy nhiên phía Công ty G không thực hiện việc trả gốc và lãi theo hợp đồng. Tạm tính đến ngày 21/9/2022, Công ty G đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trả nợ tại S, quá hạn trả nợ là 134 ngày, mặc dù S đã nhiều lần yêu cầu Công ty G trả nợ nhưng Công ty G không thực hiện:

Tạm tính đến ngày 21/9/2022 Công ty G còn nợ S tổng số tiền nợ là 5.790.951.405 đồng *(Năm tỷ, bảy trăm chín mươi triệu, chín trăm năm mươi mốt nghìn, bốn trăm lẻ năm đồng)*, trong đó bao gồm: Nợ gốc: 5.700.674.705 đồng *(Năm tỷ, bảy trăm triệu, sáu trăm bảy mươi tư nghìn, bảy trăm lẻ năm đồng)*, nợ lãi: 90.276.700 đồng *(Chín mươi triệu, hai trăm bảy mươi sáu nghìn, bảy trăm đồng)*, cụ thể nợ gốc và lãi của các hợp đồng như sau:

Nợ theo hợp đồng tín dụng theo hạn mức số REF2110400101/HĐTD-HM/DN ngày 19/4/2021 là 5.515.831.844 đồng *(Năm tỷ, năm trăm mười lăm triệu, tám trăm ba mươi mốt nghìn, tám trăm bốn mươi bốn đồng*), gồm nợ gốc: 5.426.079.809 đồng *(Năm tỷ, bốn trăm hai mươi sáu triệu, không trăm bảy mươi chín nghìn, tám trăm lẻ chín đồng*), nợ lãi: 89.752.035 đồng *(Tám mươi chín triệu, bảy trăm năm mươi hai nghìn, không trăm ba mươi lăm đồng)*.

Nợ theo hợp đồng hạn mức tín dụng thẻ REF2110400101/HĐHMTTD/DN ngày 19/4/2021 là: 275.119.561 đồng *(Hai trăm bảy mươi lăm triệu, một trăm mười chín nghìn, năm trăm sáu mươi mốt đồng)*, gồm: Nợ gốc: 274.594.896 đồng

(Hai trăm bảy mươi bốn triệu, năm trăm chín mươi bốn nghìn, tám trăm chín mươi sáu đồng), nợ lãi: 524.665 đồng *(Năm trăm hai mươn bốn nghìn, sáu trăm sáu mươi lăm đồng)*.

Tại đơn khởi kiện S yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn Thiết kế, Tư vấn quản lý và Xây dựng G phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ theo HĐTD theo hạn mức số 1935500086/HĐHM ngày 21/12/2019 với tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 21/9/2022 là 5.790.951.405 đồng *(Năm tỷ, bảy trăm chín mươi triệu, chín trăm năm mươi mốt nghìn, bốn trăm lẻ năm đồng)*, trong đó bao gồm: Nợ gốc: 5.700.674.705 đồng *(Năm tỷ, bảy trăm triệu, sáu trăm bảy mươi tư nghìn, bảy trăm lẻ năm đồng)*, nợ lãi: 90.276.700 đồng *(Chín mươi triệu, hai trăm bảy mươi sáu nghìn, bảy trăm đồng)*.

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn Thiết kế, Tư vấn quản lý và Xây dựng G phải tiếp tục trả cho SeABank số tiền nợ lãi tính theo lãi suất quy định tại HĐTD theo HM số REF2110400101/HĐTD-HM/DN ngày 19/4/2021 và HĐHM thẻ số REFREF2110400101/HĐHMTTD/DN ngày 19/4/2021 kể từ ngày 22/9/2022 cho đến khi trả hết nợ tại S.

Trường hợp Công ty G không trả được nợ hoặc trả nợ khồng đầy đủ, yêu cầu Tòa án cho phát mãi đối với tài sản bảo đảm là:

Tài sản bảo đảm 1: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 60, tờ bản đồ số 132, diện tích 100m^2 , địa chỉ: 61 đường N, lô 13-B2.32, Khu E1- Khu dân cư Nam cầu Cẩm Lệ, phường Hòa Xuân, quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 103424, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CTs 166458 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 03/8/2018 mang tên ông Nguyễn Tấn P.

Tài sản bảo đảm 2: Quyền đòi nợ: Bao gồm Quyền đòi nợ đã hình thành và quyền đòi nợ hình thành trong tương lai phát sinh từ hợp đồng thi công xây dựng số 1802/2021/HĐTC/TCXD/TNL-GCCM ngày 18/02/2021 và phụ lục kèm theo đã được ký giữ Công ty cổ phần T và Công ty trách nhiệm hữu hạn Thiết Kế, Tư vấn quản lý và xây dựng G về việc: Thi công xây dựng phần thô và hoàn thiện mặt ngoài của 32 căn nhà phố, biệt thự mặt tiền Block B2-39 mẫu M1, lô giữa số 4-16, 18-34 và lô góc số 36; Block B3-45, mẫu M6, lô số 1, thuộc khu C2- dự án Golden Hills City, địa điểm xây dựng: Phường Hòa Hiệp Nam, phường Hòa Hiệp

Bắc, quận Liên Chiểu thành phố Đà Nẵng và xã Hòa Liên, huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, ngày 17/3/2023, S có đơn đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với quyền đòi nợ đã hình thành và quyền đòi nợ hình thành trong tương lai phát sinh từ hợp đồng thi công xây dựng số 1802/2021/HĐTC/TCXD/TNL-GCCM ngày 18/02/2021 và phụ lục kèm theo đã được ký giữ Công ty cổ phần T và Công ty trách nhiệm hữu hạn Thiết Kế, Tư vấn quản lý và xây dựng G về việc: Thi công xây dựng phần thô và hoàn thiện mặt ngoài của 32 căn nhà phố, biệt thự mặt tiền Block B2-39 mẫu M1, lô giữa số 4-16, 18-34 và lô góc số 36; Block B3-45, mẫu M6, lô số 1, thuộc khu C2- dự án Golden Hills City, địa điểm xây dựng: Phường Hòa Hiệp Nam, phường Hòa Hiệp Bắc, quận Liên Chiểu thành phố Đà Nẵng và xã Hòa Liên, huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng.

Theo đề nghị của Công ty G và ông Nguyễn Tấn P phía S cũng đã tạo điều kiện để Công ty G và ông Nguyễn Tấn P giải chấp tài sản bảo đảm là nhà đất tại số 61 N, phường H, quận C, TP Đà Nẵng. Ngày 17/7/2023 S và Công ty G, ông Nguyễn Tấn P đã thỏa thuận với nhau, theo đó phía Công ty G trả cho S số tiền 3.500.000.000 đồng *(Ba tỷ, năm trăm triệu đồng)*, S đồng ý giải chấp tài sản bảo đảm là nhà đất tại số 61 N, phường H, quận C, TP Đà Nẵng và hai bên đã thực hiện xong vào ngày 17/7/2023.

Tính đến ngày xét xử hôm nay (ngày 19/7/2023) Công ty G còn nợ tổng cộng là: 2.940.378.422 đồng *(Hai tỷ, chín trăm bốn mươi triệu, ba trăm bảy mươi tám nghìn, bốn trăm hai mươi hai đồng)*, trong đó nợ gốc 2.191.728.897 đồng *(Hai tỷ, một trăm chín mươi mốt triệu, bảy trăm hai mươi tám nghìn, tám trăm chín mươi bảy đồng)*, nợ lãi là 748.649.525 đồng *(Bảy trăm bốn mươi tám triệu, sáu trăm bốn mươi chín nghìn, năm trăm hai mươi lăm đồng)*. Trong đó gồm:

Nợ theo hợp đồng tín dụng hạn mức số REF2110400101/HĐTD-HM/DN ngày 19/4/2021 là 2.625.166.894 đồng *(Hai tỷ, sáu trăm hai mươi lăm triệu, một trăm sáu mươi sáu nghìn, tám trăm chín mươi tư đồng)*, gồm nợ gốc: 1.926.079.709 đồng *(Một tỷ, chín trăm hai mươi sáu triệu, không trăm bảy mươi chín nghìn, bảy trăm lẻ chín đồng)*, nợ lãi: 699.087.185 đồng *(Sáu trăm chín mươi chín triệu, không trăm tám mươi bảy nghìn, một trăm tám mươi lăm đồng)*.

Nợ theo hợp đồng hạn mức tín dụng thẻ REF2110400101/HĐHMTTD/DN ngày 19/4/2021 là: 315.211.528 đồng *(Ba trăm mười lăm triệu, hai trăm mười một*

nghìn, năm trăm hai mươi tám đồng), gồm: Nợ gốc: 265.649.188 đồng *(Hai trăm sáu mươi lăm triệu, sáu trăm bốn mươi chín nghìn, một trăm tám mươi tám đồng)*, nợ lãi: 49.562.340 đồng *(Bốn mươi chín triệu, năm trăm sáu mươi hai nghìn, ba trăm bốn mươi đồng)*.

Tại phiên tòa S giữ nguyên việc rút yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là quyền đòi nợ đã hình thành và quyền đòi nợ hình thành trong tương lai phát sinh từ hợp đồng thi công xây dựng số 1802/2021/HĐTC/TCXD/TNL-GCCM ngày 18/02/2021 và phụ lục kèm theo đã được ký giữ Công ty cổ phần T và Công ty trách nhiệm hữu hạn Thiết Kế, Tư vấn quản lý và xây dựng G về việc: Thi công xây dựng phần thô và hoàn thiện mặt ngoài của 32 căn nhà phố, biệt thự mặt tiền Block B2-39 mẫu M1, lô giữa số 4-16, 18-34 và lô góc số 36; Block B3-45, mẫu M6, lô số 1, thuộc khu C2- dự án Golden Hills City, địa điểm xây dựng: Phường Hòa Hiệp Nam, phường Hòa Hiệp Bắc, quận Liên Chiểu thành phố Đà Nẵng và xã Hòa Liên, huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng, theo văn bản rút một phần yêu cầu khởi kiện đề ngày 17/3/2023.

Đối với tài sản thế chấp là nhà và đất tại 61 N, phường Hòa Xuân, quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng. Ngày 17/7/2023 S và Công ty G, ông Nguyễn Tấn P đã thỏa thuận với nhau, theo đó phía Công ty G trả cho S số tiền 3.500.000.000 đồng *(Ba tỷ, năm trăm triệu đồng)*, S đồng ý cho Công ty G và ông Nguyễn Tấn P giải chấp tài sản bảo đảm là nhà và đất tại số 61 N, phường H, quận C, TP Đà Nẵng và hai bên đã thực hiện xong vào ngày 17/7/2023. Do các bên đã tự nguyện thỏa thuận thực hiện xong một phần nghĩa vụ và giải chấp một phần tài sản bảo đảm, vì vậy tại phiên tòa S không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với phần dư nợ mà Công ty G đã tất toán và không yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là nhà và đất tài 61 N, phường H, quận C, TP Đà Nẵng.

Tại phiên tòa, S yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc Công ty G phải thanh toán cho S tổng số tiền nợ tính đến ngày xét xử (ngày 19/7/2023) là: 2.940.378.422 đồng *(Hai tỷ, chín trăm bốn mươi triệu, ba trăm bảy mươi tám nghìn, bốn trăm hai mươi hai đồng)*, trong đó nợ gốc 2.191.728.897 đồng *(Hai tỷ, một trăm chín mươi mốt triệu, bảy trăm hai mươi tám nghìn, tám trăm chín mươi bảy đồng)*, nợ lãi là 748.649.525 đồng *(Bảy trăm bốn mươi tám triệu, sáu trăm bốn mươi chín nghìn, năm trăm hai mươi lăm đồng)*. Trong đó gồm:

Nợ theo hợp đồng tín dụng hạn mức số REF2110400101/HĐTD-HM/DN ngày 19/4/2021 là 2.625.166.894 đồng *(Hai tỷ, sáu trăm hai mươi lăm triệu, một trăm sáu mươi sáu nghìn, tám trăm chín mươi tư đồng)*, gồm nợ gốc:

1.926.079.709 đồng *(Một tỷ, chín trăm hai mươi sáu triệu, không trăm bảy mươi chín nghìn, bảy trăm lẻ chín đồng)*, nợ lãi: 699.087.185 đồng *(Sáu trăm chín mươi chín triệu, không trăm tám mươi bảy nghìn, một trăm tám mươi lăm đồng).*

Nợ theo hợp đồng hạn mức tín dụng thẻ REF2110400101/HĐHMTTD/DN ngày 19/4/2021 là: 315.211.528 đồng *(Ba trăm mười lăm triệu, hai trăm mười một nghìn, năm trăm hai mươi tám đồng)*, gồm: Nợ gốc: 265.649.188 đồng *(Hai trăm sáu mươi lăm triệu, sáu trăm bốn mươi chín nghìn, một trăm tám mươi tám đồng)*, nợ lãi: 49.562.340 đồng *(Bốn mươi chín triệu, năm trăm sáu mươi hai nghìn, ba trăm bốn mươi đồng)*.

Buộc Công ty Công ty trách nhiệm hữu hạn Thiết kế, Tư vấn quản lý và Xây dựng G phải tiếp tục trả cho SeABank số tiền nợ lãi tính theo lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng theo hạn mức số REF2110400101/HĐTD-HM/DN ngày 19/4/2021 và hợp đồng hạn mức tín dụng thẻ số REF2110400101/HĐHMTTD/DN ngày 19/4/2021 kể từ ngày 20/7/2023 cho đến khi trả hết nợ tại SeABank.

Qúa trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn Công ty G và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Tấn P. Tuy nhiên bị đơn Công ty G cũng như người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tấn P không có ý kiến phản đối về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không tham gia các phiên hòa giải. Ngoài ra, quá trình giải quyết vụ án bị đơn Công ty G và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tấn P có tờ trình và được S chấp nhận cho giải chấp tài sản đảm bảo là nhà và đất tại 61 đường N, phường H, quận C, TP Đà Nẵng.

Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 14/4/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần T (Sau đấy viết tắt là Công ty T trình bày: Công ty T xác nhận có ký hợp đồng số 1802/2021/HĐTC/TCXD/TNL-GCCM ngày 18/02/2021 với Công ty G để thi công xây dựng phần thô và hoàn thiện mặt ngoài của 32 căn nhà phố, biệt thự mặt tiền Block B2-39, mẫu 1, lô giữa số 4-16, 18-34 và lô góc số 36; Block B3-45, mẫu M6, lô số 1, thuộc khu C2- dự án Golden Hils City và các phụ lục hợp đồng.

Công ty T không biết và không nhận được bất kỳ thông báo nào từ phía Công ty G cũng như S liên quan đến việc Công ty G dùng quyền đòi nợ hình thành trong tương lai phát sinh từ hợp đồng thi công số 1802 với T để làm tài sản bảo

đảm cho khoản vay của G tại S. Công ty T chỉ có nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ (nếu có) đối với G và không có nghĩa vụ thanh toán cho bất cứ bên thứ 3 nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, thư ký phiên tòa: Qúa trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuyên thủ pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị đơn Công ty G, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tấn P, Công ty cổ phần Trung Nam chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung tranh chấp:

Đối với yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm: Đối với tài sản đảm bảo là quyền đòi nợ theo hợp đồng số 1802/2021/HĐTC/TCXD/TNL-GCCM ngày 18/02/2021 và phụ lục kèm theo đã được ký giữa Công ty cổ phần Trung Nam và Công ty G phía S đã có văn bản rút yêu cầu xử lý tài sản thế chấp này; Đối với tài sản bảo đảm là nhà và đất tại 61 đường N, phường H, quẩm C, vào ngày 17/7/2023 các bên đã thỏa thuận giải chấp đối với tài sản bảo đảm này. Tại phiên tòa nguyên đơn không yêu cầu giải quyết xét đây là sự tự nguyện của đương sự, do đó đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này của S.

Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, Điều 317; Điều 466, 468 Bộ luật dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của SeABank, buộc Công ty G phải thanh toán cho S tổng số tiền nợ tính đến ngày xét xử (ngày 19/7/2023) là: 2.940.378.422 đồng, gồm: Nợ gốc 2.191.728.897 đồng, nợ lãi là 748.649.525 đồng.

Buộc Công ty G phải tiếp tục chịu khoản lãi tính từ ngày 20/7/20223 cho đến khi trả xong hết các khoản nợ cho S.

Các đương sự chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa và những tình tiết của vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Đây là vụ án tranh chấp phát sinh từ hợp đồng tín dụng giữa các bên đương sự là tổ chức có đăng ký kinh doanh và đều vì mục

đích lợi nhuận. Vì vậy, đây là tranh chấp về Kinh doanh thương mại theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn Công ty G có địa chỉ tại số 61 đường N, phường H, quận C, TP Đà Nẵng. Do đó, Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bị đơn Công ty G, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tấn P, Công ty cổ phần T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn Công ty G, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tấn P và Công ty cổ phần T.

[2] Qúa trình thụ lý giải quyết vụ án, ngày 17/3/2023, S có đơn đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với quyền đòi nợ đã hình thành và quyền đòi nợ hình thành trong tương lai phát sinh từ hợp đồng thi công xây dựng số 1802/2021/HĐTC/TCXD/TNL-GCCM ngày 18/02/2021 và phụ lục kèm theo đã được ký giữ Công ty cổ phần T và Công ty trách nhiệm hữu hạn Thiết Kế, Tư vấn quản lý và xây dựng G về việc: Thi công xây dựng phần thô và hoàn thiện mặt ngoài của 32 căn nhà phố, biệt thự mặt tiền Block B2-39 mẫu M1, lô giữa số 4-16, 18-34 và lô góc số 36; Block B3-45, mẫu M6, lô số 1, thuộc khu C2- dự án Golden Hills City, địa điểm xây dựng: Phường Hòa Hiệp Nam, phường Hòa Hiệp Bắc, quận Liên Chiểu thành phố Đà Nẵng và xã Hòa Liên, huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng. Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên việc rút một phần yêu cầu khởi kiện này. Căn cứ Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm đối với quyền đòi nợ theo hợp đồng số 1802/2021/HĐTC/TCXD/TNL-GCCM ngày 18/02/2021 và phụ lục kèm theo đã được ký giữa Công ty cổ phần Trung Nam và Công ty trách nhiệm hữu hạn Thiết Kế, Tư vấn quản lý và xây dựng GCCM nêu trên.

[3] Đối với tài sản thế chấp là nhà và đất tại 61 N, phường H, quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng. Ngày 17/7/2023 S và Công ty G, ông Nguyễn Tấn P đã thỏa thuận với nhau, theo đó phía Công ty G trả cho S số tiền 3.500.000.000 đồng *(Ba tỷ, năm trăm triệu đồng)*, S đồng ý cho Công ty G và ông Nguyễn Tấn P giải chấp tài sản bảo đảm là nhà và đất tại số 61 N, phường H, quận C, TP Đà Nẵng và hai bên đã thực hiện xong vào ngày 17/7/2023. Do các bên đã tự nguyện thỏa thuận thực

hiện xong một phần nghĩa vụ và giải chấp một phần tài sản bảo đảm, tại phiên tòa S không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với phần dự nợ mà Công ty G đã tất toán và không yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là nhà và đất tài 61 Nguyễn Lý phường Hòa Xuân, quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về nội dung tranh chấp: Tại phiên tòa, S yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc Công ty G phải thanh toán cho SeABank tổng số tiền nợ tính đến ngày xét xử (ngày 19/7/2023) là: 22.940.378.422 đồng *(Hai tỷ, chín trăm bốn mươi triệu, ba trăm bảy mươi tám nghìn, bốn trăm hai mươi hai đồng)*, trong đó nợ gốc 2.191.728.897 đồng *(Hai tỷ, một trăm chín mươi mốt triệu, bảy trăm hai mươi tám nghìn, tám trăm chín mươi bảy đồng)*, nợ lãi là 748.649.525 đồng *(Bảy trăm bốn mươi tám triệu, sáu trăm bốn mươi chín nghìn, năm trăm hai mươi lăm đồng).*

Buộc Công ty Công ty trách nhiệm hữu hạn Thiết kế, Tư vấn quản lý và Xây dựng G phải tiếp tục trả cho S số tiền nợ lãi tính theo lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng theo hạn mức số REF2110400101/HĐTD-HM/DN ngày 19/4/2021 và hợp đồng hạn mức tín dụng thẻ số REF2110400101/HĐHMTTD/DN ngày 19/4/2021 kể từ ngày 20/7/2023 cho đến khi trả hết nợ tại S.

Xét yêu cầu của đương sự, trên cơ sở xem xét ý kiến, trình bày của đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát cùng các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[4.1] Xét yêu cầu của S về yêu cầu bị đơn Công ty G phải trả khoản nợ gốc 2.191.728.897 đồng *(Hai tỷ, một trăm chín mươi mốt triệu, bảy trăm hai mươi tám nghìn, tám trăm chín mươi bảy đồng)*, Hội đông xét xử xét thấy:

Thực hiện Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số REF2110400101/HĐTD-HM/DN ngày 19/4/2021 và Hợp đồng hạn mức tín dụng thẻ số REF2110400101/HĐHMTTD/DN ngày 19/4/2021, S đã thực hiện việc giải ngân cho Công ty G theo cam kết của các bên. Tuy nhiên phía Công ty G đã không thanh toán tiền gốc và lãi cho S theo quy định tại hợp đồng. Tính đến ngày 21/9/2022, Công ty G đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trả nợ cho S, quá hạn trả nợ là 134 ngày, mặc dù S đã nhiều lần yêu cầu Công ty G trả nợ nhưng Công ty G không thực hiện. Tạm tính đến ngày 21/9/2022 Công ty G còn nợ S tổng số tiền nợ gốc là: 5.700.674.705 đồng *(Năm tỷ, bảy trăm triệu, sáu trăm bảy mươi tư nghìn, bảy trăm lẻ năm đồng)*. Trong đó nợ gốc của hợp đồng tín dụng theo hạn mức số REF2110400101/HĐTD-HM/DN ngày 19/4/2021 là: 5.426.079.809 đồng *(Năm tỷ, bốn trăm hai mươi sáu triệu, không trăm bảy mươi chín nghìn, tám trăm lẻ chín đồng*), nợ gốc của hợp đồng hạn mức tín dụng thẻ

REF2110400101/HĐHMTTD/DN ngày 19/4/2021 là: 274.594.896 đồng *(Hai trăm bảy mươi bốn triệu, năm trăm chín mươi bốn nghìn, tám trăm chín mươi sáu đồng)*. Qúa trình giải quyết vụ án, Công ty G đã trả cho S đã trả được số tiền 3.500.000.000 đồng *(ba tỷ năm trăm triệu đồng)* nợ gốc của hợp đồng tín dụng hạn mức để giải chấp tài sản bảo đảm là nhà và đất tại 61 Ng, phường H, quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng, và trả được khoản nợ gốc của Hợp đồng hạn mức tín dụng thẻ là 8.945.708 đồng. Tính đến ngày xét xử (ngày 19/7/2023) Công ty G còn nợ SeABank tổng số tiền nợ gốc là: 2.191.728.897 đồng *(Hai tỷ, một trăm chín mươi mốt triệu, bảy trăm hai mươi tám nghìn, tám trăm chín mươi bảy đồng)*. Trong đó gồm: Nợ gốc của hợp đồng tín dụng theo hạn mức số REF2110400101/HĐTD-HM/DN ngày 19/4/2021 là: 1.926.079.709 đồng *(Một tỷ, chín trăm hai mươi sáu triệu, không trăm bảy mươi chín nghìn, bảy trăm lẻ chín đồng);* Nợ gốc của hợp đồng hạn mức tín dụng thẻ số REF2110400101/HĐHMTTD/DN ngày 19/4/2021 là: 265.649.188 đồng *(Hai trăm sáu mươi lăm triệu, sáu trăm bốn mươi chín nghìn, một trăm tám mươi tám đồng)*. Công ty GCCM không có ý kiến phản đối với các khoản nợ này của S, hiê nay các khoản nợ này đều đã quá hạn, do đó theo quy định tại Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng thì S có quyền xử lý nợ. Vì vậy, S khởi kiện buộc bị đơn Công ty G phải trả khoản nợ gốc này cho S là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.2] Xét yêu cầu của S về yêu cầu bị đơn Công ty G phải trả khoản nợ lãi nợ lãi là: 748.649.525 đồng *(Bảy trăm bốn mươi tám triệu, sáu trăm bốn mươi chín nghìn, năm trăm hai mươi lăm đồng)*, Hội đồng xét xử thấy:

Theo quy định tại hợp đồng tín dụng theo hạn mức số REF2110400101/HĐTD-HM/DN ngày 19/4/2021 các bên thỏa thuận về lãi như sau: Lãi suất vay trong hạn: được quy định tại từng giấy (Khế ước) nhận nợ cụ thể và theo biểu lãi suất cho vay đối với từng phân khúc khách hàng tại thời điểm giải ngân, cụ thể lãi tại thời điểm cho vay là: 9,1%/ năm; Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn đối với phần nợ gốc quá hạn; Lãi chậm trả: 10%/năm đối với dự nợ lãi chậm trả.

Theo Hợp đồng hạn mức tín dụng thẻ số REF2110400101/HĐHMTTD/DN ngày 19/4/2021 các bên thỏa thuận: Lãi suất vay/ phí bảo lãnh: Lãi theo quy định của SeABank từng thời kỳ, cụ thể áp dụng với hợp đồng là 18%/năm; Lãi quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn.

Xét thấy việc thỏa thuận về lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm trả của các bên đương sự phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng và Điều 468 Bộ luật Dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Căn cứ vào số dư nợ của các hợp đồng, tương ứng với thời gian chậm trả, mức lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn, mức lãi chậm trả của từng khoản vay, Hội đồng xét xử thấy việc nguyên đơn SeABank yêu cầu bị đơn Công ty G phải thanh toán khoản tiền lãi cụ thể theo từng hợp đồng dưới đây là phù hợp, nên chấp nhận.

Lãi của Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số REF2110400101/HĐTD-HM/DN ngày 19/4/2021 là: 699.087.185 đồng, gồm: Lãi trong hạn: 77.425.148 đồng; Lãi quá hạn: 615.134.840 đồng; Lãi chậm trả: 6.527.197 đồng.

Lãi quá hạn của hợp đồng hạn mức tín dụng thẻ số REF2110400101/HĐHMTTD/DN ngày 19/4/2021 là: 49.562.340 đồng.

[5] Như vậy tổng số tiền mà Hội đồng xét xử chấp nhận buộc Công ty G phải trả cho S là: 2.940.378.422 đồng *(Hai tỷ, chín trăm mươi triệu, ba trăm bảy mươi tám nghìn, bốn trăm hai mươi hai đồng)*, gồm: Nợ gốc 2.191.728.897 đồng *(Hai tỷ, một trăm chín mươi mốt triệu, bảy trăm hai mươi tám nghìn, tám trăm chín mươi bảy đồng)*, nợ lãi là 748.649.525 đồng *(Bảy trăm bốn mươi tám triệu, sáu trăm bốn mươi chín nghìn, năm trăm hai mươi lăm đồng)*. Trong đó các khoản nợ theo các hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:

Nợ của hợp đồng tín dụng theo hạn mức số REF2110400101/HĐTD-HM/DN ngày 19/4/2021 là 2.625.166.894 đồng *(Hai tỷ, sáu trăm hai mươi lăm triệu, một trăm sáu mươi sáu nghìn, tám trăm chín mươi tư đồng)*, gồm nợ gốc: 1.926.079.709 đồng *(Một tỷ, chín trăm hai mươi sáu triệu, không trăm bảy mươi chín nghìn, bảy trăm lẻ chín đồng)*, nợ lãi: 699.087.185 đồng *(Sáu trăm chín mươi chín triệu, không trăm tám mươi bảy nghìn, một trăm tám mươi lăm đồng).*

Nợ của hợp đồng hạn mức tín dụng thẻ số REF2110400101/HĐHMTTD/DN ngày 19/4/2021 là: 315.211.528 đồng *(Ba trăm mười lăm triệu, hai trăm mười một nghìn, năm trăm hai mươi tám đồng)*, gồm: Nợ gốc: 265.649.188 đồng *(Hai trăm sáu mươi lăm triệu, sáu trăm bốn mươi chín nghìn, một trăm tám mươi tám đồng)*, nợ lãi: 49.562.340 đồng *(Bốn mươi chín triệu, năm trăm sáu mươi hai nghìn, ba trăm bốn mươi đồng)*.

Công ty Công ty trách nhiệm hữu hạn Thiết kế, Tư vấn quản lý và Xây dựng G phải tiếp tục trả cho S số tiền nợ lãi tính theo lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng theo hạn mức số REF2110400101/HĐTD-HM/DN ngày 19/4/2021

và hợp đồng hạn mức tín dụng thẻ số REF2110400101/HĐHMTTD/DN ngày 19/4/2021 kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả hết nợ tại S.

[6] Về án phí kinh doanh thương mại:

Bị đơn Công ty G phải chịu 90.807.566 đồng án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm {72.000.000 đồng + (940.378.422 đồng x 2%) = 90.807.566 đồng}.

Hoàn trả cho nguyên đơn S số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

I. Căn cứ: Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự:

Chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Đ đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn Thiết Kế, Tư vấn quản lý và xây dựng G về việc xử lý tài sản đảm bảo là quyền đòi nợ đã hình thành và quyền đòi nợ hình thành trong tương lai phát sinh từ hợp đồng thi công xây dựng số 1802/2021/HĐTC/TCXD/TNL-GCCM ngày 18/02/2021 và phụ lục kèm theo đã được ký giữ Công ty cổ phần T và Công ty trách nhiệm hữu hạn Thiết Kế, Tư vấn quản lý và xây dựng G. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện về xử lý tài sản thế chấp này của nguyên đơn.

II. Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 91; 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự

Án lệ số 08/2016 được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Đ đối với bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn Thiết kế, Tư vấn quản lý và Xây dựng G về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*.

Tuyên xử:

1. Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn Thiết kế, Tư vấn quản lý và Xây dựng G phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ tổng số tiền:

2.940.378.422 đồng *(Hai tỷ, chín trăm bốn mươi triệu, ba trăm bảy mươi tám nghìn, bốn trăm hai mươi hai đồng)*, trong đó nợ gốc là: 2.191.728.897 đồng *(Hai tỷ, một trăm chín mươi mốt triệu, bảy trăm hai mươi tám nghìn, tám trăm chín mươi bảy đồng)*, nợ lãi là 748.649.525 đồng *(Bảy trăm bốn mươi tám triệu, sáu trăm bốn mươi chín nghìn, năm trăm hai mươi lăm đồng)*. Trong đó bao gồm các khoản nợ cụ thể như sau:

- Nợ theo hợp đồng tín dụng hạn mức số REF2110400101/HĐTD-HM/DN ngày 19/4/2021 là 2.625.166.894 đồng *(Hai tỷ, sáu trăm hai mươi lăm triệu, một trăm sáu mươi sáu nghìn, tám trăm chín mươi tư đồng)*, gồm nợ gốc: 1.926.079.709 đồng *(Một tỷ, chín trăm hai mươi sáu triệu, không trăm bảy mươi chín nghìn, bảy trăm lẻ chín đồng)*, nợ lãi: 699.087.185 đồng *(Sáu trăm chín mươi chín triệu, không trăm tám mươi bảy nghìn, một trăm tám mươi lăm đồng).*

- Nợ theo hợp đồng hạn mức tín dụng thẻ REF2110400101/HĐHMTTD/DN ngày 19/4/2021 là: 315.211.528 đồng *(Ba trăm mười lăm triệu, hai trăm mười một nghìn, năm trăm hai mươi tám đồng)*, gồm: Nợ gốc: 265.649.188 đồng *(Hai trăm sáu mươi lăm triệu, sáu trăm bốn mươi chín nghìn, một trăm tám mươi tám đồng)*, nợ lãi: 49.562.340 đồng *(Bốn mươi chín triệu, năm trăm sáu mươi hai nghìn, ba trăm bốn mươi đồng)*.

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày 20/7/2023, Công ty trách nhiệm hữu hạn Thiết kế, Tư vấn quản lý và Xây dựng G còn phải tiếp tục trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ khoản tiền lãi theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ. Trường hợp trong đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay, thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cũng sẽ được điều chỉnh theo sự điều chỉnh của Ngân hàng cho vay.

3. Về án phí: Bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn Thiết kế, Tư vấn quản lý và Xây dựng G phải chịu 90.807.566 đồng *(Chín mươi triệu, tám trăm lẻ bảy nghìn, năm trăm sáu mươi sáu đồng)* án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.895.415 đồng *(Năm mươi sáu triệu, tám trăm chín mươi lăm nghìn, bốn trăm mười lăm đồng)* theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002213 ngày 21/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm, báo cho nguyên đơn có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Riêng bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niên yết bản sao bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Đương sự;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Phan Văn Cương